

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 1500 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 06 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
của thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 149/NQ-CP ngày 13/12/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 387/TTr-STNMT ngày 01/7/2020, của UBND thị xã Bình Long tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 03/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

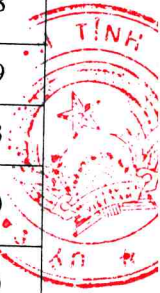
Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất

Theo bảng tổng hợp sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất ⁽²⁾	Hiện trạng năm 2015		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	12.616,61				12.616,61	100
1	Đất nông nghiệp	11.118,92	88,13	10.485	-950,44	9.534,87	75,57
1.1	Đất trồng lúa	313,01	2,48	208	105,01	313,01	2,48
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	8,14	0,06	86	-	86,00	0,68
	- Đất trồng lúa nước còn lại	304,87	2,42		227,01	227,01	1,80
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	104,64	0,83	135	-68,30	66,70	0,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	10.679,98	84,65	10.022	-1.089,93	8.932,07	70,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	21,13	0,17	21	-	21,13	0,17
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	0,16	0,00		201,96	201,96	1,60
2	Đất phi nông nghiệp	1.497,69	11,87	2.131	950,44	3.081,74	24,43
2.1	Đất quốc phòng	20,90	0,17	223	-	222,80	1,77
2.2	Đất an ninh	3,27	0,03	6	-	6,02	0,05
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	57	-	57	0,45
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	90	-	90,00	0,71
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	6,88	0,05	16	12,84	28,40	0,23
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	99,87	0,79	135	-	134,87	1,07
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng	675,23	5,35	814	263,35	1.077,38	8,54
	- Đất cơ sở văn hóa	6,10	0,05	23	-	23,46	0,19
	- Đất cơ sở y tế	4,17	0,03	9	-	9,17	0,07

	- Đất cơ sở giáo dục	37,04	0,29	47	0,00	46,70	0,37
	- Đất thể dục thể thao	4,30	0,03	32	-	32,30	0,26
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	-	-		-	-	-
	- Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	-	-	-	-	-	-
	- Đất giao thông	615,10	4,88		702,36	702,36	5,57
	- Đất thủy lợi	-	-		5,24	5,24	0,04
	- Đất công trình năng lượng	5,05	0,04		252,55	252,55	2,00
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	0,51	0,00		0,54	0,54	0,00
	- Đất chợ	2,96	0,02		5,05	5,05	0,04
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,76	0,01	3	-	3,33	0,03
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,20	0,00	10	-	10,20	0,08
2.13	Đất ở tại nông thôn	163,98	1,30	175	-	175,00	1,39
2.14	Đất ở tại đô thị	195,39	1,55	193	-	193,00	1,53
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	9,43	0,07	31	31,85	62,77	0,50
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,53	0,00	5	-4,26	0,53	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	5,15	0,04	17	-	16,85	0,13
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	44,57	0,35	38	-	38,02	0,30
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	28,54	0,23		26,70	26,70	0,21
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	5,00	0,04		12,80	12,80	0,10
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	4,73	0,04		7,28	7,28	0,06
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,84	0,01		4,14	4,14	0,03
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	191,53	1,52		191,53	191,53	1,52
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	35,78	0,28		35,78	35,78	0,28
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	5,11	0,04		687,57	687,57	5,45
3	Đất chưa sử dụng	-	-		-	-	-



2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			P. Hưng Chiến	P. Phú Đức	P. Phú Thịnh	P. An Lộc	xã Thanh Lương	xã Thanh Phú
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1.584,05	833,23	90,95	22,29	33,44	364,80	239,34
1.1	Đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	24,64	2,14	1,00	1,50	2,00	16,00	2,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.559,41	831,09	89,95	20,79	31,44	348,80	237,34
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	222,04	2,00	4,40	5,93	3,91	203,80	2,00
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm	13,30	2,00	2,50	2,30	2,50	2,00	2,00
2.2	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp không phải là đất rừng	201,80	-	-	-	-	201,80	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	6,94	-	1,90	3,63	1,41	-	-

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích

Đến năm 2020, trên địa thị xã Bình Long không còn đất chưa sử dụng.

Điều 2. Sau khi Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thị xã Bình Long được phê duyệt, các cơ quan, đơn vị, địa phương sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án theo đúng trình tự, quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thị xã Bình Long triển khai thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

c) Thẩm định và tham mưu phê duyệt Kế hoạch sử đất hàng năm của thị xã Bình Long đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt.

d) Khi Chính phủ thống nhất phê duyệt điều chỉnh Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13/12/2018, tham mưu UBND tỉnh phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất lại cho các huyện, thị xã, thành phố và hướng dẫn các địa phương lập hồ sơ điều chỉnh lại Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo đúng trình tự quy định.

2. UBND thị xã Bình Long

a) Công bố công khai Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Trên cơ sở Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, báo cáo trình HĐND thị xã Bình Long xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 03/12/2018 cho phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được phê duyệt; thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được duyệt, tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan và đảm bảo theo các chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thị xã Bình Long.

d) Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc rà soát, kiểm tra hiện trạng sử dụng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án. Việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

đ) Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

e) Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển dịch vụ, đô thị để tăng nguồn thu cho ngân sách; đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục tình trạng bỏ hoang đất đã giao và cho thuê. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nhằm

sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

f) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật đất đai.

g) Định kỳ hàng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND thị xã Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT, TU, TT, HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT. 5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyệnh Anh Minh